

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2023

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con của nam, nữ chung sống với
nhau như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Hữu Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Xuân H, sinh năm 1976, trú tại: thôn Đam Khê N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981, trú tại: thôn Đam Khê N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2023, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Đinh Xuân H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và tổ chức đám cưới vào năm 1998. Do chị P còn một vài tháng mới đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh và chị P về chung sống cùng nhau không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng nên từ

năm 2015 anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Đình Trung Đ, sinh ngày 23/8/1999, cháu Đình Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/12/2003 và cháu Đình Thị Yến N, sinh ngày 26/12/2008. Hiện nay, cháu Đ và cháu Quỳnh A đã trưởng thành, tự lập được nên anh không đề nghị giải quyết. Cháu Yến N có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Nếu cháu N muốn ở với mẹ, hàng tháng anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cho chị P 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thu nhập của anh chỉ khoảng 6 đến 7 triệu đồng/tháng nên không thể cấp dưỡng một lần theo yêu cầu của chị P được.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị P đang tự giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của bị đơn - chị Nguyễn Thị P:** Chị và anh H tổ chức đám cưới năm 1998 nhưng thời điểm đó chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh chị không đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau tại thôn Đam Khê N, xã N. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Năm 2015, anh H bỏ bê, không quan tâm vợ con, bỏ đi sống cùng người phụ nữ khác. Chị sẽ đồng ý ly hôn với anh H sau khi vợ chồng chị thống nhất về việc phân chia tài sản.

Về con chung: chị P thống nhất như ý kiến của anh H. Cháu Yến N muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng trường hợp cháu Yến N ở với chị thì chị đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Chị đề nghị anh H cấp dưỡng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật để chị chủ động lo cho cuộc sống của con cái vì hiện chị làm ruộng và làm thuê công nhật, thu nhập chỉ từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày.

Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận với nhau nhưng đến nay chưa thỏa thuận được. Chị đề nghị tòa án giải quyết chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng.

Ý kiến con chung - cháu Đình Thị Yến N cho biết: cháu chuẩn bị vào lớp 10 và hiện đang sống cùng mẹ tại thôn Đam Khê N, xã N. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn ở cùng mẹ.

Tại biên bản xác minh của tòa án, Ủy ban nhân dân xã N cho biết: anh Đình Xuân H và chị Nguyễn Thị P không có đăng ký kết hôn tại địa phương nhưng chung sống như vợ chồng tại thôn N, xã N từ năm 1998. Anh chị sống bình thường cho đến vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân được một thời gian. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị P chính quyền địa phương không nắm được. Anh chị có 03 con chung là cháu Đình

Trung Đ sinh năm 1999, Đinh Thị Quỳnh A sinh năm 2003, cháu Đinh Thị Yến N sinh năm 2008.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Xuân H và chị Nguyễn Thị P. Giao cháu Đinh Thị Yến N cho chị P trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Yến N đủ 18 tuổi kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh của toà án, anh Đinh Xuân H và chị Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương sau đó về chung sống cùng nhau từ năm 1998 đến năm 2015 thì sống ly thân. Quá trình chung sống, anh H, chị P không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, việc anh H và chị P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Mỗi quan hệ giữa anh H, chị P không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh H có yêu cầu ly hôn với chị P, tuy nhiên, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị P theo quy định tại Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh H, chị P có 03 con chung là cháu Đinh Trung Đ sinh ngày 23/8/1999, cháu Đinh Thị Quỳnh A sinh ngày 03/12/2003 và cháu Đinh Thị Yến N sinh ngày 26/12/2008. Cháu và cháu Quỳnh A đã trưởng thành, có khả năng tự lập được nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Cháu Yến N có nguyện vọng ở với mẹ phù hợp với ý kiến của anh H, chị P nên cần giao cháu Yến N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H, chị P đã thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung 3000.000 đồng/tháng nên cần chấp nhận. Xét yêu cầu của chị P về việc buộc anh H phải cấp dưỡng một lần không phù hợp với mức thu nhập của anh H nên cần buộc anh H định kỳ hàng tháng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình chuẩn bị xét xử, anh H, chị P có ý kiến tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung,

công nợ chung. Tại phiên tòa, chị P yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung để yêu cầu tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Anh H phải nộp án phí yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Xuân H và chị Nguyễn Thị P.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Đinh Thị Yên N, sinh ngày 26/12/2008 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Định kỳ hàng tháng, anh Đinh Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3000.000 (*ba triệu*) đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Yên N đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị P. Khi cần thiết, anh H, chị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Hiếu còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. *Về án phí:* Anh H phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí yêu cầu ly hôn và 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002274 ngày 19/5/2023 tại Chi cục THADS huyện Hoa Lư. Anh H còn phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh